

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2017/DS-PT  
Ngày 25 - 7 - 2017  
V/v tranh chấp về hợp đồng  
mua bán tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Minh Phương  
*Các Thẩm phán:* Bà Nguyễn Thị Thu Thủy  
Bà Vũ Thị Thu Hà

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Bùi Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa:** Ông Hà Văn Dồn - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/2017/TLPT-DS ngày 20 tháng 6 năm 2017 về việc tranh chấp về hợp đồng mua bán tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1088/2017/QĐ-PT ngày 10 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Ông Đỗ Văn N, sinh năm 1941; cư trú tại: Thôn 7 xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng; có mặt.

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:* Ông Bùi Văn B - Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm Trợ giúp pháp lý nhà nước thành phố Hải Phòng; có mặt.

**- Bị đơn:**

+ Anh Cao VN, sinh năm 1985;

+ Chị Nguyễn Thị Y, sinh năm 1984;

Cùng cư trú tại: Xóm 9 xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng;

*Người đại diện theo ủy quyền của chị Y:* Anh Cao VN, sinh năm 1985 (Giấy ủy quyền ngày 17/7/2017).

Anh Cao VN có mặt tại phiên tòa.

- *Người kháng cáo:* Ông Đỗ Văn N là nguyên đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án tại tòa án cấp sơ thẩm, nguyên đơn Ông Đỗ Văn N trình bày: Ngày 29/02/2016, ông N đến tiệm vàng NY tại đường 10 Khuông Lư, xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng mua một chiếc nhẫn vàng (9999) tròn 02 chỉ với giá tiền là 6.500.000 đồng. Ông N giao dịch với anh VN, đưa tiền cho anh VN và anh VN đã đưa cho ông N chiếc nhẫn 02 chỉ là vàng thật; cân lại không thiếu một li; ở phía trong chiếc nhẫn có khắc tên NY. Việc mua bán giữa hai bên có viết giấy biên nhận, chị Y vợ của anh VN là người viết. Sau đó ông N định đi về thì anh VN khen ông N đẹp lão và gợi ý được giúp ông N mài đánh lại chiếc nhẫn cho bóng đẹp nhưng không lấy tiền công. Ông N đồng ý. Anh VN cầm chiếc nhẫn vào phòng khoảng 12 phút sau thì mang ra đưa cho ông N. Ông N thấy chiếc nhẫn vàng bóng rất đẹp, đeo vào tay và ra về. Hai ngày sau, ông N phát hiện thấy chiếc nhẫn đó là vàng giả nên đã đến tiệm vàng NY yêu cầu anh VN chị Y đổi lại, nhưng anh VN chị Y không đồng ý vì chiếc nhẫn đó không phải là của tiệm vàng NY. Do vậy, ngày 16/3/2016 và ngày 25/3/2016, ông N đã gửi đơn trình báo đến Công an huyện TN đề nghị được giải quyết. Công an huyện TN đã chuyển đơn của ông N về Đoàn công an BR - Công an huyện TN giải quyết. Đến ngày 19/12/2016, Đoàn công an BR thông báo cho ông N: Kết quả xác minh vụ việc chưa đủ các yếu tố cấu thành tội phạm nên chuyển hồ sơ và đề nghị ông N đến Tòa án nhân dân huyện TN để được giải quyết. Nay ông N yêu cầu vợ chồng anh VN chị Y phải trả lại số tiền 6.500.000 đồng do đã lợi dụng việc ông N cao tuổi, giả vờ đánh bóng nhẫn để đổi và đưa cho ông N chiếc nhẫn vàng giả.

Ngoài ra, ông N còn trình bày: Ông là bệnh binh 2/3 đang hưởng trợ cấp và có bố đẻ là liệt sỹ Đỗ Văn B.

Tại bản tự khai và các văn bản khác có trong hồ sơ, bị đơn – Anh Cao VN và Chị Nguyễn Thị Y thống nhất trình bày: Anh VN, chị Y mở tiệm vàng NY để kinh doanh chế tác đồ trang sức (vàng, bạc) tại xã NL, huyện TN, thành phố Hải Phòng (được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh ngành nghề). Anh VN chị Y cũng xác nhận ngày 29/02/2016, tại tiệm vàng NY, anh chị có bán cho ông N chiếc nhẫn vàng 9999 (còn gọi là vàng 24K) có trọng lượng 02 chỉ vàng bên trong có ký hiệu NY với giá 6.500.000 đồng; có viết hóa đơn đúng như ông N trình bày. Thấy chiếc nhẫn có hơi méo nên anh VN gỡ tròn và đánh bóng lại rồi giao cho ông N. Ông N ra về, khoảng 10 ngày sau quay lại gặp anh VN chị Y đề nghị đổi lại chiếc nhẫn khác. Anh VN có xem lại nhẫn thì thấy chiếc nhẫn có mạ bạc trắng, không có ký hiệu NY nên không đồng ý. Nay ông N yêu cầu phải trả số tiền 6.500.000 đồng, anh VN, chị Y không đồng ý. Nếu ông N muốn nhận lại tiền thì ông N phải trả lại anh VN, chị Y chiếc nhẫn vàng 02 chỉ có ký hiệu NY đã bán cho ông N.

Với nội dung như trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 22/2017/DS-ST ngày 08 tháng 5 năm 2017, Tòa án nhân dân huyện TN, thành phố Hải Phòng đã căn cứ vào

Điều 428, Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Văn N về việc buộc Anh Cao VN và Chị Nguyễn Thị Y trả lại số tiền 6.500.000 đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 22 tháng 5 năm 2017 Ông Đỗ Văn N kháng cáo toàn bộ nội dung bản án với lý do quyết định của Tòa án sơ thẩm không phù hợp với pháp luật và không đảm bảo quyền lợi của ông N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Đỗ Văn N giữ nguyên yêu cầu kháng cáo: Yêu cầu anh VN và chị Y phải trả ông N số tiền 6.500.000 đồng vì đã bán cho ông N chiếc nhẫn 02 chỉ là vàng giả.

Anh VN không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông N và trình bày: Ngày 29/02/2016 anh VN và chị Y đã bán cho ông N chiếc nhẫn vàng 02 chỉ 9999 (còn gọi là vàng 24K) bên trong có ký hiệu NY. Ông N đã nhận, không có ý kiến gì, nay lại khởi kiện, đưa ra chiếc nhẫn không có ký hiệu NY và cho rằng anh VN đã đánh tráo để yêu cầu trả lại số tiền đã mua vàng nhưng ông N không đưa ra được bằng chứng gì là không có cơ sở.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn trình bày: Vụ án này nếu có chứng cứ thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án hình sự. Trên cơ sở lời khai của ông N và anh VN thì lời khai của ông N đáng tin cậy hơn vì ông N là người cao tuổi, là người có công với cách mạng, trong khi đó lời khai của anh VN có nhiều điểm mâu thuẫn nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của ông N.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự đã chấp hành và thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của đương sự quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quan điểm của Kiểm sát viên về giải quyết đối với bản án sơ thẩm bị kháng cáo: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2005; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326, đề nghị Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm: Giữ nguyên bản án sơ thẩm; về án phí dân sự phúc thẩm: Ông N được miễn án phí.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thủ tục tố tụng: Quan hệ tranh chấp của vụ án là về Hợp đồng mua bán tài sản quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Do vụ án có kháng cáo nên thuộc thẩm quyền của Tòa Dân sự phúc thẩm Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

[2] Giao dịch giữa ông N với anh VN, chị Y diễn ra vào ngày 29/02/2016, đã được thực hiện xong trước ngày 01/01/2017, nay có tranh chấp cần phải áp dụng quy định của Bộ luật Dân sự số 33/2005/QH11 để giải quyết - điểm c khoản 1 Điều 688 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung kháng cáo: Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Việc mua bán chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 9999 (còn gọi là vàng 24K) giữa Ông Đỗ Văn N và vợ chồng Anh Cao VN và Chị Nguyễn Thị Y là do hai bên tự nguyện thỏa thuận. Đối tượng của hợp đồng mua bán là chiếc nhẫn; là tài sản được phép giao dịch. Anh VN, chị Y có nghĩa vụ giao chiếc nhẫn vàng có trọng lượng là 02 chỉ vàng cho Ông Đỗ Văn N và nhận số tiền 6.500.000 đồng của ông N; ông N được quyền nhận chiếc nhẫn vàng và có nghĩa vụ trả tiền cho anh VN, chị Y. Ông N đã xác nhận anh VN đưa cho ông N chiếc nhẫn vàng thật 02 chỉ, ở bên trong chiếc nhẫn có khắc tên NY. Do đã nhận được chiếc nhẫn nên ông N đã trả tiền cho vợ chồng anh VN, chị Y. Việc mua bán chiếc nhẫn giữa các bên được thể hiện bằng giấy Biên nhận do chị Y viết ngày 29/02/2016. Như vậy, có quan hệ mua bán chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 9999 giữa ông N và anh VN; thời điểm Ông Đỗ Văn N được quyền sở hữu chiếc nhẫn vàng 02 chỉ là kể từ khi chiếc nhẫn được chuyển giao cho ông N. Khi nhận chiếc nhẫn ông N đã không thắc mắc và không có ý kiến gì, điều này chứng tỏ chiếc nhẫn mà anh VN, chị Y giao cho ông N là đúng với thỏa thuận của các bên – Điều 428, Điều 429, Điều 439 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Về lời trình bày của anh VN, chị Y và lời trình bày của ông N cũng không thống nhất về thời điểm các bên giao chiếc nhẫn cho nhau. Ông N khai sau khi được anh VN giao chiếc nhẫn, ông N đã chuẩn bị ra về thì anh VN lại gợi ý đánh bóng cho đẹp. Còn anh VN chị Y lại trình bày: Trước khi giao chiếc nhẫn cho ông N thấy chiếc nhẫn hơi méo nên anh VN có gò và đánh bóng lại rồi giao cho ông N. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử xét thấy vào thời điểm giao dịch để mua chiếc nhẫn vàng 02 chỉ tại tiệm vàng NY, ông N đã nhận chiếc nhẫn do anh VN, chị Y giao mà không có thắc mắc gì. Sau vài ngày ông N mới quay lại yêu cầu anh VN chị Y trả lại tiền do đã bán cho ông N chiếc nhẫn vàng giả - thời điểm này chiếc nhẫn vàng là đối tượng tài sản mà các bên thỏa thuận để mua bán đã thuộc quyền sở hữu của ông N. Đây là thời điểm ông N phải chịu rủi ro chứ không phải anh VN và chị Y – Điều 440 Bộ luật Dân sự năm 2005. Mặt khác, ngoài lời trình bày của ông N về việc đã bị anh VN, chị Y đánh tráo chiếc nhẫn thì ông N cũng không có chứng cứ gì để chứng minh có việc anh VN, chị Y đã giao cho ông N chiếc nhẫn vàng giả (Ông Đỗ Văn N nộp cho Tòa án cấp sơ thẩm và được mô tả lại bằng bản ảnh có trong hồ sơ vụ án).

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng, bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông N là có căn cứ.

[4] Về án phí:

Do yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo của ông N không được chấp nhận nên ông N phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Song xét thấy Ông Đỗ Văn N có đơn xin miễn nộp tiền án phí; ông N là người cao tuổi; người có công với cách mạng; thân nhân liệt sĩ nên thuộc trường hợp miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí – Điều 150 Bộ luật

Tổ tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Giữ nguyên bản án sơ thẩm

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ông Đỗ Văn N.

Căn cứ vào Điều 428, Điều 429, Điều 439; Điều 440 của Bộ luật Dân sự năm 2005;

Căn cứ vào Điều 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xử: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ông Đỗ Văn N về việc buộc Anh Cao VN và Chị Nguyễn Thị Y phải trả lại số tiền 6.500.000 đồng (Sáu triệu năm trăm nghìn đồng) mà Ông Đỗ Văn N đã mua chiếc nhẫn 02 chỉ vàng 9999 (còn gọi là vàng 24K) tại tiệm vàng NY ngày 29/02/2016.

2. Về án phí: Ông Đỗ Văn N được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND TP Hải Phòng;
- TAND huyện TN;
- Chi cục THADS huyện TN;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: HCTP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Minh Phương**